

Số: 1809/BVT-KD
V/v mời báo giá thuốc
cho Nhà thuốc Bệnh viện

Quảng Ninh, ngày 19 tháng 06 năm 2025

THÔNG BÁO

Về việc mời báo giá thuốc Biệt dược gốc phục vụ công tác khám chữa bệnh tại Nhà thuốc Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh trong thời gian chờ kết quả đấu thầu rộng rãi Quý III và Quý IV năm 2025

Kính gửi: Các công ty sản xuất/nhập khẩu/kinh doanh dược phẩm

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/06/2023;

Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 07/2024/TT-BYT ngày 17/5/2024 của Bộ Y tế quy định về đấu thầu thuốc tại cơ sở y tế công lập;

Căn cứ Thông tư số 15/2011/TT-BYT ngày 19/04/2011 của Bộ Y tế quy định về tổ chức và hoạt động của cơ sở bán lẻ thuốc trong Bệnh viện;

Căn cứ Thông tư số 05/2024/TT-BYT ngày 14/5/2024 của Bộ Y tế quy định danh mục thuốc, thiết bị y tế, vật tư xét nghiệm được áp dụng hình thức đàm phán giá và quy trình, thủ tục lựa chọn nhà thầu đối với các gói thầu áp dụng hình thức đàm phán giá.

Trong thời gian chờ kết quả đấu thầu rộng rãi, Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh đang có nhu cầu mua sắm một số thuốc Biệt dược gốc phục vụ công tác khám chữa bệnh tại Nhà thuốc Bệnh viện Quý III và Quý IV năm 2025. Bệnh viện đề nghị công ty báo giá các thuốc hiện đang kinh doanh theo danh mục mời báo giá tại Phụ lục I kèm theo và báo giá theo mẫu Phụ lục II kèm theo.

Văn bản báo giá thuốc kèm tài liệu đề nghị gửi về địa chỉ: Ds Triệu Hồng Mây Nhà thuốc Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh - Phường Bạch Đằng, TP. Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh trước 16 giờ 30 phút ngày 30/06/2025.

Đồng thời gửi kèm bản điện tử Báo giá tới địa chỉ email: nathuocbvtqn@gmail.com. Trong quá trình triển khai nếu có vướng mắc đề nghị công ty liên hệ Khoa Dược-Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh, số điện thoại: 0203.626.675

Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh trân trọng thông báo./.

GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phòng HCQT(để đăng tải);
- Lưu : VT.

Nguyễn Bá Việt

PHỤ LỤC

(Kèm theo Thông báo số 1809/BVT-KD ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh)

STT	Mã thuốc	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ , Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Nhóm TCKT	Số lượng
1	BSBD01	Cebrex	Cao khô lá Ginkgo Biloba hoặc Dịch chiết ginkgo biloba	40mg	Uống	Viên	Viên	BDG	27.000
2	BSBD02	Voltaren Emulgel	Diclofenac diethylamine	1,16g/100g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Tuýp	BDG	500
3	BSBD03	Zitromax	Azithromycin (dưới dạng Azithromycin dihydrat)	500mg	Uống	Viên	Viên	BDG	500
4	BSBD04	Cravit 1.5%	Levofloxacin hydrat	75mg/5ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	Lọ	BDG	250
5	BSBD05	Eprex 2000 U	Epoetin alfa	2000 IU/0,5ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Ống	BDG	600
6	BSBD06	Fucidin	Acid Fusidic	2%	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Tuýp	BDG	100
7	BSBD07	Daivonex	Calcipotriol	50mcg/g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Tuýp	BDG	30
8	BSBD08	Debridat	Trimebutine maleate	100mg	Uống	Viên	Viên	BDG	6.000
9	BSBD09	Minirin	Desmopressin (dưới dạng Desmopressin acetat 0,1 mg)	0,089mg	Uống	Viên	Viên	BDG	180
10	BSBD10	Sanlein 0,1	Natri hyaluronat tinh khiết	5mg/5ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	Chai/Lọ/Ống	BDG	1.600
11	BSBD11	Singulair 5mg	Montelukast (dưới dạng Montelukast natri)	5mg	Uống	Viên	Viên	BDG	1.200
12	BSBD12	Viartril-S	Glucosamin (dưới dạng Crystalline Glucosamine sulfate sodium chloride 1884mg) 1178mg; tương đương 1500mg Glucosamine sulfate	1178mg (tương đương 1500mg Glucosamine sulfate)	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	Gói/Túi	BDG	10.000
13	BSBD13	Telfast HD	Fexofenadine hydrochloride	180mg	Uống	Viên	Viên	BDG	9.000
14	BSBD14	Depakine Chrono	Natri Valproate; Acid Valproic	333mg; 145mg	Uống	Viên giải phóng có kiểm soát	Viên	BDG	1.300
15	BSBD15	Tavanic	Levofloxacin	500mg	Uống	Viên	Viên	BDG	1.500

STT	Mã thuốc	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ , Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Nhóm TCKT	Số lượng
16	BSBD16	Xatral XL 10mg	Alfuzosin HCl	10mg	Uống	Viên giải phóng có kiểm soát	Viên	BDG	3.300
17	BSBD17	Cordarone	Amiodarone hydrochloride	200mg	Uống	Viên	Viên	BDG	3.000
18	BSBD18	Duoplavin	Clopidogrel (dưới dạng Clopidogrel hydrogen sulphat); Acid acetylsalicylic	75 mg; 100 mg	Uống	Viên	Viên	BDG	4.000
19	BSBD19	Plavix 75mg	Clopidogrel hydrogen sulphate tương đương với Clopidogrel base	75mg	Uống	Viên	Viên	BDG	8.300
20	BSBD20	Buscopan	Hyoscin butylbromid	10mg	Uống	Viên	Viên	BDG	1.000
21	BSBD21	No-Spa forte	Drotaverine hydrochloride	80mg	Uống	Viên	Viên	BDG	40.000
22	BSBD22	Emla	Lidocain; Prilocain	125mg/5g; 125mg/5g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Tuýp	BDG	100
23	BSBD23	Anaropin	Ropivacain HCl (dưới dạng Ropivacain HCl monohydrat)	5mg/ml	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm/Thuốc tiêm truyền	Chai/Lọ/Ống/Bơm tiêm/Bút tiêm	BDG	600
24	BSBD24	Arcoxia 90mg	Etoricoxib	90mg	Uống	Viên	Viên	BDG	6.000
25	BSBD25	Celebrex	Celecoxib	200mg	Uống	Viên nang	Viên	BDG	3.000
26	BSBD26	Keppra	Levetiracetam	500mg	Uống	Viên	Viên	BDG	600
27	BSBD27	Lyrica	Pregabalin	75mg	Uống	Viên nang	Viên	BDG	15.000
28	BSBD28	Neurontin	Gabapentin	300mg	Uống	Viên nang	Viên	BDG	2.000
29	BSBD29	Tegretol 200	Carbamazepine	200mg	Uống	Viên	Viên	BDG	600
30	BSBD30	Zinnat tablets 250mg	Cefuroxim (dưới dạng Cefuroxim axetil)	250mg	Uống	Viên	Viên	BDG	2.000
31	BSBD31	Zinnat tablets 500mg	Cefuroxim (Dưới dạng Cefuroxim axetil)	500mg	Uống	Viên	Viên	BDG	15.000
32	BSBD32	Klacid MR	Clarithromycin	500mg	Uống	Viên giải phóng có kiểm soát	Viên	BDG	600
33	BSBD33	Avelox	Moxifloxacin (dưới dạng Moxifloxacin hydroclorid)	400mg	Uống	Viên	Viên	BDG	250

STT	Mã thuốc	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ , Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Nhóm TCKT	Số lượng
34	BSBD34	Eraxis	Anidulafungin	100mg	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền	Chai/Lọ/Ống	BDG	100
35	BSBD35	Harnal Ocas 0,4mg	Tamsulosin hydroclorid	0,4mg	Uống	Viên giải phóng có kiểm soát	Viên	BDG	6.000
36	BSBD36	Vastarel MR	Trimetazidine dihydrochloride	35mg	Uống	Viên giải phóng có kiểm soát	Viên	BDG	15.000
37	BSBD37	Exforge	Amlodipine (dưới dạng Amlodipine besylate); Valsartan	5mg + 80mg	Uống	Viên	Viên	BDG	8.000
38	BSBD38	Concor Cor	Bisoprolol fumarate	2,5mg	Uống	Viên	Viên	BDG	3.000
39	BSBD39	Xarelto	Rivaroxaban	15 mg	Uống	Viên	Viên	BDG	2.000
40	BSBD40	Lipitor	Atorvastatin	20mg	Uống	Viên	Viên	BDG	30.000
41	BSBD41	Crestor 10mg	Rosuvastatin (dưới dạng Rosuvastatin calci)	10mg	Uống	Viên	Viên	BDG	15.000
42	BSBD42	Nexium Mups	Esomeprazol (dưới dạng Esomeprazol magnesi trihydrat)	40mg	Uống	Viên bao tan ở ruột	Viên	BDG	13.000
43	BSBD43	Nexium	Esomeprazole (dưới dạng Esomeprazole magnesi trihydrate)	42,5mg (tương đương với esomeprazol 40mg)	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống kháng dịch vị	Gói/Túi	BDG	500
44	BSBD44	Glucophage 500mg	Metformin hydrochlorid	500mg	Uống	Viên	Viên	BDG	25.000
45	BSBD45	Forxiga	Dapagliflozin (dưới dạng Dapagliflozin propanediol monohydrat)	10mg	Uống	Viên	Viên	BDG	20.000
46	BSBD46	Cellcept	Mycophenolate mofetil	250mg	Uống	Viên nang	Viên	BDG	6.000
47	BSBD47	Brilinta	Ticagrelor	90mg	Uống	Viên nén	Viên	BDG	9.000
48	BSBD48	Hidrasec 30mg Children	Racecadotril	30mg	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	Gói/Túi	BDG	300

STT	Mã thuốc	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ , Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Nhóm TCKT	Số lượng
49	BSBD49	Ketosteril	Acid (RS)-3-methyl-2-oxovaleric(α -ketoanalogue to DL-isoleucin), muối calci; Acid 4-methyl-2-oxovaleric (α -ketoanalogue to leucin), muối calci; Acid 2-oxo-3-phenylpropionic (α -ketoanalogue to phenylalanin), muối calci; Acid 3-methyl-2-oxobutyric (α -ketoanalogue to valin), muối calci; Acid (RS)-2-hydroxy-4-methylthio-butyric (α -hydroxyanalogue to DL-methionin), muối calci; L-lysin acetat (tương đương với L-lysin); L-threonin; L-tryptophan; L-histidin; L-tyrosin	Acid (RS)-3-methyl-2-oxovaleric(α -ketoanalogue to DL-isoleucin), muối calci 67,0 mg; Acid 4-methyl-2-oxovaleric (α -ketoanalogue to leucin), muối calci 101,0 mg; Acid 2-oxo-3-phenylpropionic (α -ketoanalogue to phenylalanin), muối calci 68,0 mg; Acid 3-methyl-2-oxobutyric (α -ketoanalogue to valin), muối calci 86,0 mg; Acid (RS)-2-hydroxy-4-methylthio-butyric (α -hydroxyanalogue to DL-methionin), muối calci 59,0 mg; L-lysin acetat 105,0 mg (tương đương với 75 mg L-	Uống	Viên	Viên	BDG	10.000

				lysin); L-threonin 53,0 mg; L-tryptophan 23,0 mg; L-histidin 38,0 mg; L-tyrosin 30,0 mg					
50	BSBD50	Oflovid ophthalmic ointment	Ofloxacin	0,3%	Tra mắt	Thuốc tra mắt	Tuýp/Lọ	BDG	350
51	BSBD51	Depo-Medrol	Methylprednisolon acetat	40mg/ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/lọ/túi/ống/gói	BDG	3.000
52	BSBD52	Aerius	Desloratadin	0,5mg/ml	Uống	Viên	Viên	BDG	5.000
53	BSBD53	Flumetholon 0.1	Fluorometholon	5mg/5ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	Chai/Lọ/Ống	BDG	350
54	BSBD54	Avamys	Fluticason furoat	27,5 mcg/liều xịt;60 liều	Xịt mũi	Thuốc xịt mũi	Bình/Hộp/Chai/Lọ/Ống	BDG	200
55	BSBD55	Elthon 50mg	Itoprid hydrochlorid	50mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	BDG	30.000
56	BSBD56	Duphalac	Lactulose	10g/15ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	Gói/Túi	BDG	6.000

Tổng số: 56 khoản

PHỤ LỤC II
BẢNG CUNG CẤP THÔNG TIN VÀ CHÀO GIÁ

(Kèm theo Thông báo số 1809/BVT-KD ngày 19/06/2025 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh)

Thông tin của đơn vị báo giá :
(Tên, Địa chỉ, Số điện thoại, email)

Kính gửi : Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh

Thực hiện đề nghị của Quý Bệnh viện về việc cung cấp báo giá thuốc tại Thông báo số 1809/BVT-KD ngày 19/06/2025 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh.
Công ty xin trân trọng gửi bảng báo giá các mặt hàng thuốc hiện đang kinh doanh, cụ thể như sau:

TT	Mã theo danh mục mời báo giá	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Nhóm TCKT	Quy cách đóng gói	SDK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Giá KK/KKL còn hiệu lực (VNĐ)	Đơn giá có VAT (VNĐ)	Giá trúng thầu trong 12 tháng gần nhất (nếu có)			Ghi chú
															Giá trúng thầu (có VAT) VNĐ	Số QĐ phê duyệt trúng thầu, đơn vị trúng thầu	Ngày Quyết định phê duyệt trúng thầu	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)
1																		
2																		
...																		

Ghi chú:

- Đơn vị phải cung cấp đầy đủ thông tin vào các cột chưa điền thông tin
- (3),(8) Công ty cung cấp thông tin của mặt hàng thuốc báo giá theo quy định của Thông tư số 07/2024/TT-BYT.
- (15) Đơn giá là giá trọn gói bao gồm các loại thuế, phí, bảo hiểm, vận chuyển, giao hàng tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh
- (16,17,18) Đơn vị kèm theo Quyết định hoặc thông báo trúng thầu (nếu có) kèm theo.

Báo giá này có hiệu lực kể từ ngày .../.../....đến ngày..../.../....

....., ngày ... tháng ... năm 20....
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CÔNG TY
(ghi rõ chức danh, họ tên, ký, đóng dấu)

